

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Các Sở GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đình Thọ

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐĂNG KIỂM HÀNG HÓA ĐƯỢC THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1079 /QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 08
năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO TRUNG ƯƠNG GIẢI QUYẾT				
1	1.004977	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải	Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải	Cục ĐKVN
2	1.004976	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực nhập khẩu sử dụng trong giao thông vận tải	Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải	Cục ĐKVN hoặc Chi cục Đăng kiểm
3	1.004932	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sản xuất, hoán cải sử dụng trong giao thông vận tải	Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải	Cục ĐKVN hoặc Chi cục Đăng kiểm

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIẢI QUYẾT				
4	1.004337	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải	Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải	Tổ chức hoạt động kiểm định

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở thiết kế nộp hồ sơ theo quy định đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công); nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả;

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định thiết kế trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Nếu hồ sơ không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế;

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế được cấp trong phạm vi 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành thẩm định đạt kết quả theo quy định;

- Cơ sở thiết kế nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc bản khai biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu;

- 01 (một) bản sao điện tử tài liệu thiết kế thiết bị (đối với trường hợp nộp cổng dịch vụ công) hoặc 03 (ba) bản chính tài liệu thiết kế thiết bị (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Trường hợp không có quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, hồ sơ thiết kế tối thiểu gồm:

+ Đối với sản xuất thiết bị: bản thuyết minh thiết kế; bản tính toán thiết kế; các bản vẽ tổng thành, kết cấu chính của thiết bị; bản vẽ sơ đồ nguyên lý hoạt động và các đặc trưng kỹ thuật chính; danh mục các tổng thành, bộ phận chính kèm theo các thông số, tính năng kỹ thuật; quy trình kiểm tra và thử thiết bị;

+ Đối với hoán cải thiết bị: bản thuyết minh tính toán thiết kế liên quan đến nội dung hoán cải; bản vẽ tổng thể của thiết bị trước và sau hoán cải; bản vẽ và tài liệu kỹ thuật tổng thành, hệ thống để hoán cải; quy trình kiểm tra và thử thiết bị.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn thẩm định thiết kế: trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế: 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành thẩm định đạt kết quả theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế;

- Đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế.

1.8. Phí, lệ phí:

- Mức thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị thẩm định thiết kế;

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN 22:2018/BGTVT; QCVN 67:2018/BGTVT.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị thẩm định thiết kế thiết bị:

.....

.....

.....

Hồ sơ gửi kèm:

Số lượng sản xuất:

Nơi sản xuất:.....

Giá thiết kế thiết bị:

....., ngày tháng năm

.....
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

2. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực nhập khẩu sử dụng trong giao thông vận tải

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra đến Cơ quan kiểm tra (Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm);
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu có thể nộp trước khi kiểm tra thiết bị.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu trong 01 (một) ngày làm việc và thông nhất về thời gian, địa điểm kiểm tra;
- Sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung Tờ khai hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra: Nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu và Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu; nếu không đạt thì cấp Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu;
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu hoặc thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu được cấp trong phạm vi 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra theo quy định;
- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc bản khai biểu mẫu điện tử Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo mẫu quy định.

- 01 (một) bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp thông qua cổng dịch vụ công) hoặc 01 (một) bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hồ sơ nhập khẩu theo quy định của pháp luật kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra và thống nhất về thời gian, địa điểm kiểm tra: trong 01 (một) ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu hoặc thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu: 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Trường hợp đạt:

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu;

+ Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

- Trường hợp không đạt: Thông báo không đạt chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu.

2.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50 000 (đồng/giấy);

- Mức thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN 22 : 2018/BGTVT; QCVN 67:2018/BGTVT.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nôi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nôi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

**MẪU ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA
NHẬP KHẨU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Kính gửi: (Tên Cơ quan kiểm tra).....

Người nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu
------------	---	--------------------------	------------------------------	-----------------------------	----------------------	----------------------------

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

Hợp đồng (Contract) số:

- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có):

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:

do Tổ chức cấp ngày: .../.../..... tại:

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số: do Tổ chức chứng nhận: cấp ngày: .../.../..... tại:

- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số:

- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số:

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) số:

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có) số:

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (Nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng

lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật..... và tiêu chuẩn công bố
áp dụng

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)

Vào sổ đăng ký: Số...../

....., ngày tháng ... năm

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng
dấu)

....., ngày tháng năm

(NGƯỜI NHẬP KHẨU)

(Ký tên, đóng dấu)

3. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nôi hơi và thiết bị áp lực sản xuất, hoán cải sử dụng trong giao thông vận tải

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan kiểm tra (Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm);

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì xác nhận và thông báo thời gian kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ;

- Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất theo quy định: Nếu không đạt thì lập biên bản kiểm tra ghi rõ lý do thiết bị không đạt yêu cầu kiểm tra thông báo tới tổ chức, cá nhân; nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị sản xuất, hoán cải;

- Giấy chứng nhận được cấp trong phạm vi 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc bản khai biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định;

- 01 (một) bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công) hoặc 01 (một) bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hồ sơ thiết kế thiết bị đã được thẩm định; bản kê các tổng thành, bộ phận chính sử dụng để sản xuất, hoán cải thiết bị theo mẫu quy định kèm theo báo cáo kết quả thử nghiệm của cơ sở thử nghiệm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn xác nhận và thông báo thời gian kiểm tra thực tế theo đề nghị của người nộp hồ sơ: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định;
- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Trường hợp đạt: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị sản xuất, hoán cải.
- Trường hợp không đạt: Lập Biên bản kiểm tra ghi rõ lý do thiết bị không đạt yêu cầu kiểm tra thông báo tới tổ chức, cá nhân.

3.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50 000 (đồng/giấy);
- Mức thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị kiểm tra, kiểm định;
- Bản kê tổng thành, bộ phận chính sử dụng để sản xuất, hoán cải thiết bị.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN 22 : 2018/BGTVT; QCVN 67:2018/BGTVT.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.
- Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH (*)

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị kiểm tra/kiểm định thiết bị (*):

.....

.....

.....

Hồ sơ gửi kèm:

Thời gian và địa điểm kiểm tra/kiểm định dự kiến (*):

....., ngày tháng năm

TỔ CHỨC / CÁ NHÂN

() Gạch bỏ nếu không phù hợp.*

**MẪU BẢNG KÊ TỔNG THÀNH, BỘ PHẬN CHÍNH DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT,
HOÁN CẢI THIẾT BỊ**

**BẢNG KÊ TỔNG THÀNH, BỘ PHẬN CHÍNH DÙNG ĐỂ SẢN XUẤT, HOÁN
CẢI THIẾT BỊ**

Tên Thiết bị:

Số thẩm định thiết kế thiết bị:

STT	Tên tổng thành, bộ phận	Nhãn hiệu, mác	Nguồn gốc			Nơi sản xuất	Ghi chú
			Tự sản xuất	Trong nước	Nhập khẩu		

Chúng tôi cam kết các tổng thành, bộ phận trên đạt yêu cầu về chất lượng và có nguồn gốc như bảng kê.

....., ngày tháng năm

Cơ sở sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

4. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nôi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đến Tổ chức kiểm định (*là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội*);

b) Giải quyết TTHC:

- Tổ chức kiểm định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì xác nhận và thông báo với tổ chức, cá nhân về thời gian và địa điểm kiểm định;

- Tổ chức kiểm định tiến hành kiểm định tại địa điểm đã được thông nhất: Nếu không đạt thì lập biên bản kiểm định ghi rõ lý do thiết bị không đạt yêu cầu kiểm định và thông báo tới tổ chức, cá nhân; nếu đạt thì dán Tem kiểm định và cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định;

- Giấy chứng nhận được cấp trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm định theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Tổ chức kiểm định hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính hoặc bản khai biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

- 01 (một) bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp qua công dịch vụ công) hoặc 01 (một) bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị sản xuất, hoán cải hoặc Giấy chứng nhận kết quả kiểm định của lần kiểm định trước. Đối với những thiết bị đang sử dụng trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà không có các giấy tờ theo quy định tại khoản này thì nộp tài liệu kỹ thuật hoặc hồ sơ kỹ thuật của thiết bị được cơ sở thiết kế lập.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn xác nhận và thông báo với tổ chức, cá nhân về thời gian và địa điểm kiểm định: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận: trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm định theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Tổ chức kiểm định;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kiểm định;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Trường hợp đạt: Tem kiểm định và cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

- Trường hợp không đạt: Lập biên bản kiểm định ghi rõ lý do thiết bị không đạt yêu cầu kiểm định.

3.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50 000 (đồng/giấy);

- Mức thu giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính và thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị kiểm tra, kiểm định.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn tương ứng: QCVN 22 : 2018/BGTVT; QCVN 67:2018/BGTVT.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH (*)

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị kiểm tra/kiểm định thiết bị (*):

.....

.....

.....

Hồ sơ gửi kèm:

Thời gian và địa điểm kiểm tra/kiểm định dự kiến (*):

....., ngày tháng năm

TỔ CHỨC / CÁ NHÂN

() Gạch bỏ nếu không phù hợp*